

Đắk Nông, ngày 08 tháng 3. Năm 2019

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I/2019

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
 dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Sở Lao động - TB&XH công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý I/2019 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I/2019	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I/2019 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	5,0	0,0	0,0	0,0
I	Số thu phí, lệ phí	5,0	0,0	0,0	0,0
1	Lệ phí	5,0	0,0	0,0	0,0
	Lệ phí cấp phép cho lao động nước ngoài	5,0	0,0	0,0	0,0
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0,0	0,0	0,0	0,0
1	Chi sự nghiệp.....	0,0	0,0	0,0	0,0
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính	0,0	0,0	0,0	0,0
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0,0	0,0	0,0	0,0
1	Lệ phí		0,0		
	Lệ phí...				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	87.318,9	24.321,2	27,9	108,4
I	Nguồn ngân sách trong nước	87.318,9	24.321,2	55,3	108,4
1	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	2.545,0	698,7	27,5	0,0
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.545,0	698,7	27,5	
	Văn phòng Sở Lao động - TB&XH tỉnh Đắk Nông	2.545,0	698,7	27,5	
2	Chi bảo đảm xã hội	84.773,9	23.622,5	27,9	108,4
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	84.773,9	23.622,5	27,9	108,4



Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý I/2019	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý I/2019 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	Văn phòng Sở Lao động - TB&XH tỉnh Đắk Nông	3.308,4	543,2	16,4	71,9
	Phòng Lao động - TB&XH huyện Krông Nô	14.216	4.003	28,2	114,1
	Phòng Lao động - TB&XH huyện Cư Jút	22.980,4	4.911,0	21,4	107,9
	Phòng Lao động - TB&XH huyện Đắk Mil	8.108,8	4.334,7	53,5	104,9
	Phòng Lao động - TB&XH huyện Đắk Song	11.107,5	2.997,0	27,0	107,8
	Phòng Lao động - TB&XH TX. Gia Nghĩa	8.349,3	2.342,7	28,1	109,5
	Phòng Lao động - TB&XH huyện Đắk R'lấp	9.583,4	2.632,7	27,5	114,5
	Phòng Lao động - TB&XH huyện Đắk Glong	3.695,6	1.032,7	27,9	123,7
	Phòng Lao động - TB&XH huyện Tuy Đức	3.424,6	825,9	24,1	103,6

Ngày 08 tháng 3 năm 2019

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên



Huỳnh Ngọc Anh

